

RÀ SOÁT CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ FDI Ở VIỆT NAM

Lê Thị Thu Hiền

Nguyễn Hoàng Dương

Tóm tắt: Bài viết có mục tiêu rà soát các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ở Việt Nam. Hiệu quả FDI được rà soát trên ba góc độ về kinh tế, xã hội và môi trường. Kết quả rà soát cho thấy, đến nay, Việt Nam chưa có bộ chỉ tiêu toàn diện để đánh giá hiệu quả khu vực FDI. Trong một số báo cáo, bài nghiên cứu có đề cập đến các chỉ tiêu về hiệu quả FDI; tuy nhiên, các chỉ tiêu tập trung về hiệu quả kinh tế là chính, các chỉ tiêu hiệu quả về mặt xã hội và môi trường chưa được coi trọng đúng mức.

Từ khoá: Đầu tư trực tiếp nước ngoài; FDI; Hiệu quả FDI.

Mở đầu

Trong quá trình hơn 30 năm mở cửa, vốn FDI đã đóng một vai trò quan trọng trong việc bổ sung nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đồng thời tạo tác động lan tỏa, khơi dậy các nguồn lực trong nước, đóng góp vào sự phát triển chung. Tính lũy kế đến ngày 20/9/2020, cả nước có 32.658 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 381,5 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 225,8 tỷ USD, bằng 59,1% tổng vốn đầu tư đăng ký (Cục Đầu tư nước ngoài, 2020). Quy mô và chất lượng các dự án FDI ngày càng gia tăng, góp phần tăng trưởng kinh tế chung, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô và tăng thu ngân sách nhà nước. Sự phát triển khu vực FDI đã góp phần to lớn trong việc tạo việc làm, thu nhập cho người lao động đồng thời nâng cao trình độ năng lực cho lao động trong nước. Dòng vốn đầu tư nước ngoài đã đạt được những hiệu quả đáng ghi nhận trên các mặt kinh tế, xã hội, môi trường.

Bên cạnh những mặt tích cực, khu vực FDI còn một số mặt hạn chế, bất cập như tỷ lệ vốn

đầu tư thực hiện thấp so với vốn đăng ký, mức độ lan tỏa công nghệ và năng suất của khu vực FDI đến khu vực trong nước còn thấp. Ngoài ra, có một số doanh nghiệp FDI chưa tuân thủ nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường, gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường hay các hành vi chuyên giá, thiếu trung thực trong báo cáo tài chính nhằm trốn thuế gây tổn thất ngân sách cho nhà nước.

Để khắc phục những hạn chế của khu vực FDI, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 về *Định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030*. Một trong những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Nghị quyết là nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài. Tiếp theo là Nghị quyết 58/NQ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 50-NQ/TW, theo đó, việc đánh giá hiệu quả khu vực FDI cần dựa

vào các tiêu chí cụ thể do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành.

Trong những năm qua, đã có một số tổ chức và cá nhân đưa ra đánh giá về hiệu quả FDI trên nhiều khía cạnh và cấp độ khác nhau. Theo báo cáo về kết quả hoạt động của doanh nghiệp FDI do Tổng cục Thống kê thực hiện, nhiều số liệu đã được công bố nhằm xây dựng một bức tranh tổng quan về tình hình đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Trong các báo cáo này, một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả FDI về khía cạnh kinh tế xã hội được tính toán sử dụng. Hiệu quả FDI về mặt môi trường có được đề cập đến nhưng chưa có các chỉ tiêu cụ thể (Tổng cục Thống kê 2016, 2017).

Tương tự báo cáo của Tổng cục Thống kê, CIEM (2017) sử dụng 3 chỉ tiêu kinh tế và 1 chỉ tiêu xã hội để đánh giá hiệu quả FDI ở Việt Nam. Các số liệu được sử dụng để tính toán chủ yếu lấy từ nguồn Tổng cục Thống kê và đo lường hiệu quả FDI ở cấp độ quốc gia. Đối với hiệu quả về mặt môi trường, báo cáo cho rằng hiện tại ở Việt Nam chưa có nguồn tài liệu, số liệu để tính toán cụ thể.

Trong một số nghiên cứu khác, có đề cập đến các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả FDI tuy nhiên, các chỉ tiêu đưa ra chủ yếu phục vụ mục đích của từng nghiên cứu. Đề án “Xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá hiệu quả đầu tư nước ngoài (FDI)” do Học viện Chính sách và Phát triển thực hiện là bước khởi đầu trong việc xây dựng bộ chỉ tiêu cho vấn đề này. Đề án đề xuất 8 chỉ tiêu trong 2 nhóm tiêu chí cụ thể gồm: (1) Phản ánh hiệu quả trực tiếp của bản thân khu vực FDI; và (2) Tỷ lệ đóng góp của khu vực FDI đối với nền kinh tế quốc dân (Ngô Doãn Vịnh, 2011). Các chỉ tiêu này bao trùm cả 3 khía cạnh về kinh tế, xã hội và môi trường.

Nghiên cứu của Đinh Khánh Lê (2018) nêu lên một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả FDI theo

định hướng phát triển bền vững. Theo đó, các chỉ tiêu được phân thành 3 nhóm về kinh tế, xã hội và môi trường. Trong đó có 8 chỉ tiêu về kinh tế, 3 chỉ tiêu xã hội và một số chỉ tiêu về môi trường. Nguyễn Trọng Hải (2007) sử dụng một số phương pháp thống kê để phân tích hiệu quả kinh tế của FDI, theo đó hiệu quả FDI được thể hiện thông qua 15 chỉ tiêu kinh tế. Các khía cạnh xã hội và môi trường không được đề cập đến trong nghiên cứu.

Bên cạnh các nghiên cứu về đánh giá hiệu quả FDI ở quy mô toàn quốc, một số nghiên cứu đánh giá hiệu quả FDI ở quy mô vùng và địa phương như Ngô Trần Xuất (2018), Nguyễn Thị Thuý Vân (2017), Đặng Vinh (2018) và Phạm Thị Thuý (2018). Trong đó, Ngô Trần Xuất (2018) nghiên cứu về thu hút FDI ở vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung, đề xuất 3 chỉ tiêu về kinh tế và 11 chỉ tiêu về xã hội. Ở quy mô cấp tỉnh, Nguyễn Thị Thuý Vân (2017) sử dụng 4 chỉ tiêu kinh tế để đánh giá hiệu quả FDI ở tỉnh Thái Nguyên; Đặng Vinh (2018) đề cập đến 8 chỉ tiêu kinh tế và 3 chỉ tiêu xã hội đánh giá hiệu quả FDI ở thành phố Đà Nẵng; Phạm Thị Thuý (2018) sử dụng 7 chỉ tiêu để đánh giá hiệu quả FDI tỉnh Vĩnh Phúc trong đó có 5 chỉ tiêu kinh tế, 1 xã hội và 1 môi trường.

Phân dưới đây sẽ rà soát các chỉ tiêu cụ thể đã được sử dụng ở Việt Nam thời gian vừa qua nhằm đánh giá hiệu quả FDI trên 3 góc độ về kinh tế, xã hội và môi trường. Các chỉ tiêu sẽ được rà soát theo các nội dung cụ thể như: tên chỉ tiêu, quy mô áp dụng các chỉ tiêu, tình trạng sử dụng và nguồn số liệu thu thập.

1. Rà soát các chỉ tiêu về kinh tế

Khi đánh giá hiệu quả FDI, vấn đề kinh tế thường được đặt lên đầu tiên trong tất cả các nghiên cứu. Hiệu quả kinh tế FDI là sự hài hòa giữa quy mô, cơ cấu và chất lượng của FDI thể hiện thông qua phần đóng góp của khu vực

này đối với sự phát triển kinh tế của quốc gia/vùng/địa phương tiếp nhận vốn.

Về tên các chỉ tiêu: Trong số 26 chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế, có 23 chỉ tiêu đánh giá về chất lượng và hiệu quả của FDI; trong khi đó, chỉ tiêu phản ánh về mặt công nghệ ít được đề cập đến hơn (chỉ có 3 chỉ tiêu). Các chỉ tiêu phản ánh chất lượng và hiệu quả được sử dụng phổ biến gồm có: đóng góp của FDI vào tăng trưởng, đóng góp vào ngân sách hay đóng góp vào xuất khẩu. Ngoài ra, chỉ tiêu về năng suất lao động hay hiệu quả sử dụng vốn của khu vực FDI cũng được sử dụng thường xuyên.

Về cấp độ áp dụng các chỉ tiêu: Các chỉ tiêu được đề cập đến chủ yếu được áp dụng ở quy mô cấp quốc gia và cấp địa phương. Chỉ tiêu cấp vùng có được sử dụng nhưng không

thường xuyên, trong khi đó, chỉ tiêu áp dụng đối với ngành kinh tế thì hầu như ít được đề cập đến.

Tình trạng sử dụng các chỉ tiêu và nguồn số liệu: Các chỉ tiêu cơ bản phản ánh hiệu quả FDI đối với nền kinh tế như đóng góp vào tăng trưởng, xuất khẩu, ngân sách hay năng suất lao động được tính toán và sử dụng dựa vào nguồn số liệu của Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê địa phương. Các số liệu này có sẵn và được thống kê định kỳ hàng năm. Phần lớn các chỉ tiêu phải dựa vào nguồn số liệu điều tra độc lập và không thường xuyên. Tuy vậy, trong số 26 chỉ tiêu về kinh tế được rà soát dưới đây, có khoảng 2/3 đã được các tác giả tính toán và sử dụng. Còn nhiều chỉ tiêu được nhắc đến trong các nghiên cứu nhưng chưa được tính toán để đánh giá hiệu quả FDI (Bảng 1).

BẢNG 1. CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ FDI VỀ MẶT KINH TẾ

STT	Tên chỉ tiêu	Công trình nghiên cứu/báo cáo	Cấp độ áp dụng	Đưa vào phân tích	Nguồn số liệu, cơ quan thu thập
1.	Tỷ lệ đóng góp của khu vực FDI vào tăng trưởng kinh tế cả nước	Tổng cục thống kê (2016) CIEM (2017) Đinh Khánh Lê (2018) Nguyễn Trọng Hải (2007)	Quốc gia	x	Tổng cục Thống kê
		Ngô Doãn Vịnh (2011)	Quốc gia		Tổng cục Thống kê
		Đặng Vinh (2018) Phạm Thị Thuý (2018)	Địa phương	x	Cục thống kê địa phương
2.	Tỷ lệ đóng góp vào tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tổng cục Thống kê (2017) Đinh Khánh Lê (2018)	Quốc gia	x	Tổng cục Thống kê
3.	Tỷ lệ vốn thực hiện so với vốn đăng ký của các DN FDI	Ngô Trần Xuất (2018)	Vùng KTTĐ		

STT	Tên chỉ tiêu	Công trình nghiên cứu/báo cáo	Cấp độ áp dụng	Đưa vào phân tích	Nguồn số liệu, cơ quan thu thập
		Đặng Vinh (2018)	Địa phương	x	Cục thống kê địa phương
4.	Tỷ lệ vốn FDI thực hiện trong tổng đầu tư xã hội	Nguyễn Trọng Hải (2007)	Quốc gia	x	Tổng cục thống kê
		Nguyễn Thị Thuý Vân (2017)	Địa phương	x	Cục thống kê địa phương
5.	Hệ số gia tăng vốn sản lượng (ICOR)	Nguyễn Trọng Hải (2007)	Quốc gia		
6.	Tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư	Đặng Vinh (2018)	Địa phương	x	Cục thống kê địa phương
7.	Tỷ trọng giá trị gia tăng của khu vực FDI trong GDP	Nguyễn Trọng Hải (2007)	Quốc gia	x	Tổng cục thống kê
8.	Tỷ lệ đóng góp của khu vực FDI vào xuất khẩu của nền kinh tế quốc dân	Tổng cục thống kê (2016) CIEM (2017) Đinh Khánh Lê (2018) Nguyễn Trọng Hải (2007)	Quốc gia	x	Tổng cục Thống kê
		Ngô Doãn Vịnh (2011)	Quốc gia		Tổng cục Thống kê
		Phạm Thị Thuý (2018) Nguyễn Thị Thuý Vân (2017)	Địa phương	x	Cục thống kê địa phương
9.	Tỷ số giá trị xuất khẩu/vốn của khu vực FDI	Nguyễn Trọng Hải (2007)	Quốc gia	x	Tổng cục thống kê, Cục ĐTN
10.	Tiết kiệm và tăng thu ngoại tệ thuần	Đinh Khánh Lê (2018) Nguyễn Trọng Hải (2007)	Quốc gia		
11.	Đầu tư ròng so với thu nhập từ vốn	Nguyễn Trọng Hải (2007)	Quốc gia		
12.	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách nhà nước	Tổng cục Thống kê (2016) CIEM (2017) Đinh Khánh Lê (2018) Nguyễn Trọng Hải (2007)	Quốc gia	x	Tổng cục Thống kê

STT	Tên chỉ tiêu	Công trình nghiên cứu/báo cáo	Cấp độ áp dụng	Đưa vào phân tích	Nguồn số liệu, cơ quan thu thập
		Ngô Doãn Vịnh (2011)	Quốc gia		Tổng cục Thống kê
		Nguyễn Trọng Hải (2007)	Quốc gia/ngành	x	Tổng cục Thống kê, Cục ĐTN
		Ngô Trần Xuất (2018)	Vùng KTTĐ	x	Niên giám thống kê các địa phương trong vùng
		Đặng Vinh (2018) Phạm Thị Thúy (2018) Nguyễn Thị Thúy Vân (2017)	Địa phương	x	Cục thống kê địa phương
13.	Thu ngân sách/vốn FDI	Nguyễn Trọng Hải (2007)	Quốc gia		
14.	Hiệu suất sử dụng một đồng vốn đầu tư hoặc chỉ số giá trị gia tăng bình quân trên một đồng vốn đầu tư đã thực hiện của khu vực FDI	Ngô Doãn Vịnh (2011)	Quốc gia		Tổng cục Thống kê
		Nguyễn Trọng Hải (2007)	Quốc gia	x	Tổng cục Thống kê
15.	Năng suất lao động của khu vực FDI	Ngô Doãn Vịnh (2011)	Quốc gia		
		Đinh Khánh Lê (2018) Nguyễn Trọng Hải (2007)	Quốc gia	x	Tổng cục Thống kê
		Nguyễn Thị Thúy Vân (2017)	Địa phương	x	Cục thống kê địa phương
16.	Tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động có lãi trên tổng số doanh nghiệp	Tổng cục thống kê (2017)	Quốc gia	x	Tổng cục Thống kê
		Đặng Vinh (2018)	Địa phương	x	Cục thống kê địa phương
17.	Tỷ suất sinh lời của FDI	Đinh Khánh Lê (2018)	Quốc gia		
18.	Tỷ số vốn/ lao động	Nguyễn Trọng Hải (2007)	Quốc gia		
19.	Giá trị gia tăng của FDI	Nguyễn Trọng Hải (2007)	Quốc gia		

STT	Tên chỉ tiêu	Công trình nghiên cứu/báo cáo	Cấp độ áp dụng	Đưa vào phân tích	Nguồn số liệu, cơ quan thu thập
20.	Lợi nhuận	Nguyễn Trọng Hải (2007)	Quốc gia		
21.	Mức độ chuyển giao công nghệ	Đinh Khánh Lê (2018)	Quốc gia		
22.	Tỷ lệ vốn FDI công nghệ cao	Đặng Vinh (2018)	Địa phương	x	Cục thống kê địa phương
23.	Mức đóng góp của FDI vào cải thiện khoa học, công nghệ của địa phương	Phạm Thị Thuý (2018)	Địa phương	x	Số liệu khảo sát của tác giả
24.	Tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực FDI so với tổng giá trị sản xuất công nghiệp của vùng	Ngô Trần Xuất (2018)	Vùng KTTĐ	x	Niên giám thống kê các địa phương trong vùng
25.	Tỷ trọng giá trị sản xuất của khu vực FDI so với giá trị sản xuất của toàn vùng	Ngô Trần Xuất (2018)	Vùng KTTĐ		
26.	Mức độ đóng góp của FDI vào cải thiện cơ sở hạ tầng của địa phương	Phạm Thị Thuý (2018)	Địa phương	x	Số liệu khảo sát của tác giả

Nguồn: Tổng hợp của các tác giả.

2. Rà soát các chỉ tiêu về xã hội

Thông thường, ảnh hưởng về mặt xã hội của FDI được thể hiện qua các vấn đề như lao động, việc làm, thu nhập, phúc lợi xã hội hay các vấn đề về bất bình đẳng,... Rà soát các nghiên cứu ở Việt Nam cho thấy, có 11 chỉ tiêu được đề cập đến để đánh giá hiệu quả FDI về mặt xã hội. Các chỉ tiêu được sử dụng phổ biến là việc làm và thu nhập. Tuy nhiên, 2 chỉ tiêu về việc làm và thu nhập được đề cập đến chủ yếu trên khía cạnh số lượng. Các khía cạnh như chất lượng việc làm, đào tạo, đảm bảo đời sống cho người lao động, về phúc lợi của người lao động trong khu vực FDI hay các vấn đề về bất bình đẳng, giới,... còn ít được quan tâm. Một số chỉ

tiêu về đời sống người lao động hay liên quan đến hoạt động văn hoá, thể thao đối với người lao động được đề cập đến nhưng định nghĩa không rõ ràng, khó đo lường và không có nhiều ý nghĩa về mặt thống kê.

Trong các chỉ tiêu về hiệu quả xã hội, chỉ có các chỉ tiêu về việc làm và thu nhập của người lao động được đưa vào tính toán phân tích nhờ có số liệu thống kê đầy đủ. Hầu hết các chỉ tiêu còn lại chưa được đưa vào phân tích một phần do chưa có nguồn số liệu điều tra tổng thể mà phụ thuộc vào các cuộc điều tra chuyên sâu, tùy thuộc vào mục đích riêng của từng chủ đề nghiên cứu (Bảng 2).

BẢNG 2. CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ FDI VỀ MẶT XÃ HỘI

STT	Tên chỉ tiêu	Công trình nghiên cứu/báo cáo	Cấp độ áp dụng	Đưa vào phân tích	Nguồn số liệu, cơ quan thu thập số liệu
1.	Tỷ lệ đóng góp tạo việc làm của khu vực FDI	Tổng cục thống kê (2016)	Quốc gia	x	Tổng cục Thống kê
		Ngô Doãn Vịnh (2011)	Quốc gia		
		Đặng Vinh (2018) Phạm Thị Thuý (2018)	Địa phương	x	Cục thống kê địa phương
2.	Số việc làm do các doanh nghiệp FDI tạo ra	CIEM (2017) Đinh Khánh Lê (2018)	Quốc gia	x	Tổng cục Thống kê
		Ngô Trần Xuất (2018)	Vùng KTTĐ	x	Niên giám thống kê các địa phương trong vùng
3.	Thu nhập của lao động	Tổng cục Thống kê (2016) Đinh Khánh Lê (2018)	Quốc gia	x	Tổng cục Thống kê
		Ngô Trần Xuất (2018)	Vùng KTTĐ	x	Niên giám thống kê các địa phương trong vùng
		Đặng Vinh (2018)	Địa phương	x	Cục thống kê địa phương
4.	Tỷ lệ lao động, nhất là lao động nhập cư làm việc trong các doanh nghiệp FDI có nhà ở, điều kiện nơi ở; trang thiết bị phục vụ sinh hoạt hàng ngày của người lao động	Ngô Trần Xuất (2018)	Vùng KTTĐ		
5.	Số lượng các hoạt động văn hóa, tinh thần tổ chức hàng năm của doanh nghiệp FDI	Ngô Trần Xuất (2018)	Vùng KTTĐ		

6.	Số điểm vui chơi giải trí, văn hóa, thể thao cho người lao động trong các doanh nghiệp FDI;	Ngô Trần Xuất (2018)	Vùng KTTĐ		
7.	Tỷ lệ thời gian nghỉ ngơi/ngày của người lao động	Ngô Trần Xuất (2018)	Vùng KTTĐ		
8.	Thời gian làm thêm giờ của người lao động	Ngô Trần Xuất (2018)	Vùng KTTĐ		
9.	Tỷ lệ lao động được trang bị phương tiện bảo hộ lao động	Ngô Trần Xuất (2018)	Vùng KTTĐ		
10.	Đời sống lao động trong các DN FDI	Đặng Vinh (2018)	Địa phương		
11.	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động đang làm việc trong khu vực FDI	Ngô Trần Xuất (2018)	Vùng KTTĐ		

Nguồn: Tổng hợp của các tác giả.

3. Rà soát các chỉ tiêu về môi trường

Bên cạnh những đóng góp về mặt kinh tế - xã hội, khu vực FDI cũng đã bộc lộ một số hạn chế như vấn đề ô nhiễm môi trường gây thiệt hại lớn đến tài sản và sức khỏe của cộng đồng. Thông thường, trước khi được phê duyệt, một dự án đầu tư mới sẽ phải có hoạt động đánh giá tác động môi trường, đặc biệt đối với các dự án FDI thì quy trình này được tiến hành rất kỹ lưỡng. Tuy nhiên, đánh giá, theo dõi và giám sát tác động đến môi trường trong quá trình hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp FDI nói riêng còn chưa được quan tâm đúng mức.

Hiện nay, Việt Nam chưa có hệ thống số liệu thống kê theo dõi và cập nhật tình hình xử lý chất thải, nước thải, các biện pháp bảo vệ môi trường, cũng như mức độ gây ô nhiễm môi trường của các doanh nghiệp FDI. Chính vì vậy, chưa thể đánh giá một cách toàn diện về tác động tới môi trường của khu vực FDI trong điều kiện hiện nay. Có một số nghiên

cứ đề cập đến các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả về mặt môi trường của khu vực FDI được thể hiện ở Bảng 3. Theo đó, các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả về môi trường được nhắc tới vẫn còn sơ sài, chưa chú trọng đến các vấn đề bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng xanh hay sản xuất xanh...

Bên cạnh đó, các chỉ tiêu này mới chỉ được đề cập đến như một khái niệm và ý tưởng của tác giả trong việc đề xuất chỉ tiêu đánh giá hiệu quả FDI về môi trường chứ chưa được tính toán và áp dụng cho đánh giá ở Việt Nam. Một số chỉ tiêu đưa ra có định nghĩa không rõ ràng, khó khăn trong việc tính toán và sử dụng. Việc thu thập hệ thống số liệu, dữ liệu về các vấn đề này ở cấp độ quốc gia/vùng/ngành còn chưa được quan tâm thực hiện nên việc đánh giá là rất khó khăn.

4. Đánh giá chung và kết luận

Trong thời gian qua, định hướng thu hút đầu tư nước ngoài mới tập trung đạt mục tiêu

kinh tế, tạo việc làm, nâng cao thu nhập người lao động mà chưa quan tâm đúng mức đến các vấn đề xã hội và môi trường khác. Có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, một trong số đó là công tác thống kê chưa được chú trọng. Một mặt, Việt Nam chưa đánh giá được đầy đủ hiệu quả của dòng vốn FDI một cách tổng quát; mặt khác, chưa có cơ sở để so sánh với số liệu thống kê của các nước khác để thấy rõ những lợi thế cũng như hạn chế của mình trong công tác thu hút vốn FDI.

Quá trình rà soát các công trình nghiên cứu khoa học, đề án đã được công bố cho thấy,

hiện nay các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân nghiên cứu đã sử dụng nhiều số liệu, chỉ tiêu trong các báo cáo, khảo sát, điều tra cũng như nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm để đánh giá về tình hình đầu tư nước ngoài cũng như để đưa ra nhận định về hiệu quả của khu vực này trong một số phạm vi và cấp độ. Mặc dù vậy, cho đến thời điểm hiện tại, chưa có một bộ tiêu chí tổng hợp được nghiên cứu, phân tích, tổng kết một cách hệ thống để làm cơ sở quy chiếu, đánh giá một cách toàn diện, đồng bộ hiệu quả của nguồn vốn FDI.

BẢNG 3. CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ FDI VỀ MÔI TRƯỜNG

STT	Tên chỉ tiêu	Công trình nghiên cứu/báo cáo	Cấp độ áp dụng	Đưa vào phân tích	Nguồn số liệu, cơ quan thu thập số liệu
1.	Giá trị gia tăng bình quân trên một KWh điện	Ngô Doãn Vịnh (2011)	Quốc gia		Điều tra ngành
2.	Hiệu suất sử dụng một Ha đất chiếm dụng hoặc chỉ số giá trị gia tăng làm ra trên một ha diện tích đất đai mà khu vực FDI chiếm dụng	Ngô Doãn Vịnh (2011)	Quốc gia		
3.	Tỷ trọng doanh nghiệp FDI gây ô nhiễm môi trường	Đinh Khánh Lê (2018)	Quốc gia		
4.	Tỉ lệ chi phí doanh nghiệp FDI bỏ ra cho các hoạt động xử lý chất thải, sử dụng công nghệ sạch, cải thiện môi trường so với tổng doanh thu của doanh nghiệp	Đinh Khánh Lê (2018)	Quốc gia		
5.	Mức độ FDI đóng góp vào mức độ cải thiện môi trường của địa phương	Phạm Thị Thúy (2018)	Địa phương	x	Số liệu khảo sát của tác giả

Nguồn: Tổng hợp của các tác giả.

Mặt khác, các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả FDI ở Việt Nam hiện nay vẫn nặng về kinh tế,

các khía cạnh về xã hội và môi trường chưa được chú trọng đúng mức. Các chỉ tiêu kinh tế

phần lớn liên quan đến hiệu quả và chất lượng tăng trưởng, còn vấn đề ứng dụng và chuyển giao công nghệ chưa được coi trọng, trong khi đây là một mục tiêu quan trọng được xác định khi thu hút FDI. Trong khi đó, các chỉ tiêu về mặt xã hội mới chỉ đánh giá một số vấn đề về số lượng việc làm và thu nhập của người lao động, các yếu tố về chất lượng lao động, đào tạo còn ít được quan tâm; và vấn đề đời sống người lao động, bất bình đẳng, giới chưa được xem xét đến. Việc đánh giá hiệu quả FDI về môi trường hiện còn khó khăn do thiếu nguồn dữ liệu.

Về nguồn số liệu được dùng để đánh giá, phần lớn được lấy từ Tổng cục Thống kê hay Cục thống kê các địa phương. Do đó, các chỉ tiêu được tính toán hiện đang dừng ở mức cung cấp thông tin, mô tả quy mô mà chưa thể hiện được bản chất cũng như các mối liên hệ bên trong.

Ngoài ra, các chỉ tiêu đề ra chưa đề cập đến ngưỡng đánh giá, điều này gây khó khăn trong việc đánh giá hiệu quả FDI trên thực tế. Bên

cạnh đó, chưa có các phương pháp xây dựng chỉ số tổng hợp để đánh giá hiệu quả FDI nên không có căn cứ, cơ sở để so sánh đánh giá hiệu quả FDI theo thời gian cũng như giữa các địa phương/ngành khác nhau.

Trong bối cảnh quan điểm, chủ trương thu hút đầu tư FDI đã được định hình lại, hiệu quả về mặt xã hội và môi trường của FDI đã được quan tâm và đánh giá đúng mức hơn trước. Chính vì vậy, cần có hệ thống chỉ tiêu đánh giá sát thực và phù hợp; trên cơ sở đó, tùy theo điều kiện cụ thể của số liệu đầu vào và yêu cầu đặt ra, mà lựa chọn những chỉ tiêu quan trọng để tiến hành phân tích và đánh giá.

Nhằm phản ánh chính xác hơn hiệu quả FDI ở Việt Nam thông qua các chỉ tiêu đánh giá cụ thể, cần có thêm các nghiên cứu sâu rộng hơn về việc sử dụng các chỉ tiêu đánh giá của các tổ chức, quốc gia trên thế giới. Đây chính là cơ sở cho việc đề xuất bộ chỉ tiêu đánh giá hiệu quả FDI tại Việt Nam nhằm đánh giá đúng và đầy đủ hiệu quả FDI theo các cấp độ và theo thời gian.

Tài liệu tham khảo

1. CIEM (2017). *Đầu tư trực tiếp nước ngoài: một số vấn đề về thực trạng và giải pháp*. Trung tâm Thông tin - Tư liệu, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương.
2. Cục Đầu tư nước ngoài (2020). *Số liệu thống kê ngành*.
3. Đặng Vinh (2018). *Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại thành phố Đà Nẵng*. Luận án Tiến sĩ kinh tế trường Đại học Đà Nẵng.
4. Đinh Khánh Lê (2017). *Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài theo định hướng phát triển bền vững ở Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện Khoa học xã hội.
5. Ngô Doãn Vịnh (2011). *Báo cáo nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư nước ngoài*. Học viện Chính sách phát triển.
6. Ngô Trần Xuất (2018). *Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại vùng kinh tế trọng điểm miền trung trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*. Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện Khoa học xã hội.
7. Nguyễn Thị Thuý Vân (2017). *Nghiên cứu tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới công nghiệp hoá tỉnh Thái Nguyên*. Luận án Tiến sĩ kinh tế trường Đại học Kinh tế quốc dân.

8. Nguyễn Trọng Hải (2007). *Vận dụng một số phương pháp thống kê phân tích hiệu quả kinh tế đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ kinh tế trường Đại học Kinh tế quốc dân.
9. Phạm Thị Thuý (2018). *Nghiên cứu hiệu quả kinh tế xã hội đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc*. Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Đại học Mỏ - Địa chất.
10. Tổng cục Thống kê (2016). *Hiệu quả của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giai đoạn 2005-2014*. Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội.
11. Tổng cục Thống kê (2017). *Kết quả hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giai đoạn 2011-2016*. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

Thông tin tác giả:

1. Lê Thị Thu Hiền, TS.

- Đơn vị công tác: Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng.
- Địa chỉ email: lethuhien.isdn@gmail.com

2. Nguyễn Hoàng Dương

- Đơn vị công tác: Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ngày nhận bài: 2/12/2020

Ngày nhận bản sửa: 25/2/2021

Ngày duyệt đăng: 11/3/2021